

## ỨNG XỬ XÃ HỘI TRONG ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI TÀY

MA NGỌC DUNG

Ăn uống là một phần quan trọng trong các hoạt động sinh tồn của loài người. Ngoài việc nuôi dưỡng con người, nó còn gắn liền với các hoạt động văn hoá. Mỗi dân tộc, mỗi địa phương đều có những tập quán ăn uống riêng. Với người Tày, tập quán ăn uống của họ mang đặc tính của cư dân vùng thung lũng và phản ánh đặc trưng văn hoá tộc người, nhất là khía cạnh ứng xử trong ăn uống. Vì vậy, nghiên cứu ứng xử xã hội trong ăn uống của họ sẽ góp phần hiểu biết về văn hoá của tộc người này.

Bài viết này sẽ đề cập đến 3 khía cạnh liên quan đến ứng xử xã hội trong ăn uống của người Tày: ứng xử trong gia đình, trong cộng đồng và trong đời sống tâm linh.



### 1. Ứng xử ăn uống trong gia đình

Trong bữa ăn hàng ngày của người Tày, mâm cơm thường để ở chính giữa nhà, phía trên của bếp sinh hoạt. Về mùa hè, họ thường để mâm ăn ngay khu vực tiếp khách, cạnh cửa sổ chính. Gia đình truyền thống của người Tày thường có 6-7 người, gồm 3 thế hệ (ông bà, cha mẹ, con cái). Nếu ông bà còn khoẻ, có thể cùng ngồi ăn chung với gia đình thì người ta sắp đặt vị trí ngồi ăn theo thứ tự từ ông - bà; cha - mẹ, con cái, tính từ phía cửa sổ trở xuống. Nồi cơm đặt phía dưới (hàng bếp). Mâm cơm làm bằng gỗ hình tròn, trong mâm bày các bát, đĩa thức ăn dùng chung; giữa mâm để bát nước chấm hoặc một đĩa muối ớt. Một số gia đình để cạnh mâm một lọ ớt ngâm và một bát nhỏ đựng ớt dành cho người cao tuổi thích ăn cay. Người Tày ăn cơm bằng đũa, bát ăn cơm riêng và thìa ăn canh riêng. Cơm để trong nồi, xới bằng một đôi đũa cả (*đảm*). Những người ngồi quanh nồi thường là người nội trợ (mẹ) hoặc con gái để làm nhiệm vụ xới cơm hoặc thêm canh rau. Đó là trách nhiệm được coi là vất vả nhất trong bữa ăn mà người phụ nữ, người nội trợ vẫn phải đảm nhiệm. Tục ngữ Tày có câu *Xấu quan khó, xấu mỏ miềm* (Gần quan thì khó nhọc, cạnh nồi thịt thì nhọ nhem), có ý nghĩa so sánh giữa công việc phục vụ quan lại với việc bếp núc, phục vụ bữa ăn. Nếu trong nhà có người già yếu thì chủ nhà bố trí cho người ăn riêng ở cạnh bếp hoặc tại nơi nằm nghỉ hàng ngày. Những người già và trẻ nhỏ có thể ngồi ăn một cách bình đẳng, không phân biệt vị trí và nhiệm vụ. Nếu gia đình mới có con dâu, cháu dâu thì họ tự nhận thức trách nhiệm của mình trong bữa ăn để thể hiện là dâu hiền chứ không có quy định bắt buộc. Tuy nhiên, những nề nếp gia phong theo lối sống Nho giáo từ xưa đã thấm sâu vào ý thức của nhiều gia đình, nhất là

những gia đình trung l-u, phú quý hoặc gia giáo. Vì thế mỗi thành viên trong gia đình tự ý thức đ- ọc bốn phận cũng nh- trách nhiệm của mình trong cuộc sống hàng ngày. Đặc biệt, gia đình ng- ời Tày, tr- ớc bữa cơm, họ có ý thức chờ đợi nhau, ít khi ăn tr- ớc nếu còn thiếu ng- ời. Câu tục ngữ *Slíp tua mạ thả ăn an* (M- ời con ngựa chờ đợi 1 cái yên) hàm nghĩa là đã ngồi quanh mâm thì m- ời ng- ời, còn thiếu một ng- ời vẫn phải chờ đợi. Điều đó nói lên tính cộng đồng, cộng cảm trong ăn uống của đồng bào.

Đối với ng- ời Tày, ứng xử trong ăn uống của mỗi gia đình còn là ý thức về sự nh- ờng nhịn. Họ luôn dành sự - u tiên cho ng- ời cao tuổi, trẻ nhỏ, ng- ời ốm đau, phụ nữ đang ở cữ hay có mang. Những đối t- ượng trên đ- ọc gia đình dành riêng khẩu phần tốt hơn nh- nấu cơm riêng, thức ăn riêng. Ng- ời cao tuổi ăn thức ăn mềm, ít l- ượng, tăng chất bổ. Ng- ời Tày có tục ngữ: *Cần ké kin khẩu khao, lục slao kin khẩu xáo, lục báo kin khẩu pay* (Ng- ời già ăn gạo trắng, con gái ăn gạo giã dối, con trai ăn gạo xay) để nói lên một đạo lý là dành phần ngon cho ng- ời già. Trẻ em đ- ọc nh- ờng phần thịt. Nếu là ngày bình th- ờng, khi công việc còn bề bộn, bữa ăn còn đạm bạc thì ng- ời ta th- ờng ăn một cách qua quýt cho xong, nhất là với đàn ông khi công việc nào đó đang dở dang. Những lúc nh- vậy, tính cộng cảm càng lớn lao: Ng- ời vợ, ng- ời con th- ờng nh- ờng phần cho ng- ời chồng, ng- ời cha. Họ chăm lo cho miếng ăn, giấc ngủ của ng- ời chủ nhà bởi đó là trụ cột mọi mặt của gia đình. Với ng- ời đàn ông, họ th- ờng “có gì ăn nấy”, “không còn gạo thì ăn khoai, ăn sắn”, “hết canh rau thì ăn măng chua, ăn mẻ”; còn đàn bà hậu nh- tự đảm nhận lo toan cái ăn hàng ngày nh- là một phận sự. Vì thế vai trò của phụ nữ trong gia đình rất quan trọng, bởi họ trực tiếp lo toan cái ăn hàng ngày.

Trong ăn uống của gia đình, ng- ời Tày cũng có những kiêng kỵ, chẳng hạn: Ng- ời đẻ kiêng kỵ

các loại thịt trâu, bò, ngựa, cá không vảy, cá chép có ria và các loại thịt thú rừng. Trẻ em kiêng ăn quả cật của gà (*mác lộn lìm*) vì họ cho rằng ăn quả cật sẽ dốt nát, hay quên; kiêng ăn chân gà vì nếu ăn vào thì viết chữ sẽ xấu nh- gà bới; kiêng ăn móng vì nếu ăn thì không đi qua cầu đ- ọc; kiêng chan canh ốc vì sợ tròn nh- con ốc. Trẻ em và phụ nữ không nói chuyện khi ăn vì sợ mất vệ sinh và không ý tứ. Nồi cơm phải luôn đậy vung kín để giữ cơm nóng. Đồi đũa cả để trong nồi, quay ra phía sau, tuyệt đối không đ- ọc quay vào mâm hay quay về phía ng- ời đang ngồi ăn vì nh- thế sẽ làm cho ng- ời ăn bị nghẹn hay đau bụng. Khi ăn, không ai đ- ọc gõ đũa hay gõ đũa cả vì nh- thế là gọi ma v.v...

## 2. Ứng xử ăn uống trong cộng đồng làng bản

Ăn uống mang tính cộng đồng của ng- ời Tày đ- ọc biểu hiện qua các hoạt động: tết, lễ, tiếp khách, kết bạn...

Ng- ời Tày có nhiều lễ hội khác nhau nh- : c- ới xin, sinh nhật, tang ma, giỗ chạp, lễ ăn cơm mới, lễ ăn mừng nhà mới, hội xuống đồng (*lông tông*), các ngày tết (Tết nguyên đán (*b□on chiêng, kin chiêng*), tết 30 tháng giêng (*đáp nọi*), tết mông 3 tháng 3 (*so slam b□on slam*) tảo mộ, tết mông 5 tháng 5 (*so hả b□on hả*), tết rằm tháng bảy (*síp hả b□on chát*), tết rằm tháng tám (*síp hả b□on pét*), tết mông 9 tháng 9 (*so cầu b□on cầu*), tết mông 10 tháng 10 (*so slíp b□on slíp*) (Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993). Ngoài ra ở một số địa ph- ơng khác còn ăn thêm một vài tết nữa, nh- ở miền đông Cao Bằng có tết mông 6 tháng 6 (*so hốc b□on hốc*) (Đoàn L- , 1997)... Mỗi lễ hội và tết đều có cách thức tổ chức, có nội dung, ý nghĩa và mục đích khác nhau, nh- ng điểm chung là tất cả các lễ hội đều tổ chức ăn uống. □n uống trong lễ hội cũng khác hẳn so với ăn uống hàng ngày vì phải tuân theo luật tục.

Khi trong bản có gia đình nào làm nhà, đám c-ới, giỗ chạp và nhất là đám ma, các gia đình trong bản đó phải cử 1-2 ng-ời đến giúp. Những gia đình neo đơn, khó khăn, sức yếu, tuổi cao...cũng đến để chia vui, chia buồn cho phải đạo. Nếu ai có sức khoẻ hay đ-ợc mời mà không đến sẽ bị hàng xóm chê c-ời, trách móc.

Xuất phát từ mối quan hệ cộng đồng làng bản mật thiết, đồng bào Tày xác định việc đóng góp là nghĩa vụ và là quyền lợi của mỗi gia đình. Không ai bảo ai, khi trong bản, gia đình nào có việc, ngoài phân gia đình tự lo là chính thì các gia đình khác đều tự nguyện đem vật chất đến để tham gia vào công việc. Mỗi công việc khác nhau, sự đóng góp đều mang ý nghĩa khác nhau và hình thức cũng khác nhau, mặc dù vẫn là ống gạo, con gà, chai r-ợu...(Triều Ân, Hoàng Quyết, 1995). Đóng góp đám c-ới có ý nghĩa là mừng hạnh phúc (trừ tr-ởng hợp vay lợn, gà, gạo, r-ợu); góp vào đám ma để phúng viếng, tùy theo quan hệ thân tộc nh- thể nào hay quan hệ hàng xóm láng giềng, nh-ng thông th-ờng có thịt lợn, gà nhỏ, gạo nếp, r-ợu, bánh dầy, bánh chay; còn đám góp giỗ thì tùy theo quan hệ của từng ng-ời và tùy theo loại giỗ nào (giỗ 40, giỗ 1 năm, giỗ 3 năm). Việc làm nhà với ý nghĩa là giúp nhau, tùy theo điều kiện của từng ng-ời nh-ng thông th-ờng chỉ là sự giúp đỡ của anh em trong dòng tộc, thông gia hoặc bạn đồng niên.

Những đóng góp nh- vậy cứ lần l-ợt; gia đình nào cũng phải trải qua bởi vì nhà nào cũng phải có c-ới xin, ma chay, giỗ chạp, làm nhà. Nhà khác có việc, mình giúp một sau này đến l-ợt nhà mình sẽ đ-ợc 10. Nh- thể, đóng góp vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của họ. Đó còn là một sợi dây vô hình cố kết cộng đồng làng bản rất bền vững của ng-ời Tày.

Ng-ời Tày cũng có quan niệm “Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” nh- ng-ời Việt.

Họ tự cảm thấy nếu có miếng ăn ngon mà không khao làng là ti tiện, hoặc ng-ời đ-ợc ăn thì cảm nhận ăn một miếng với nhau còn ngon hơn nhiều so với ăn thật no một mình. Những “miếng khao” nhau tùy theo đặc điểm, tính chất từng vùng nh-ng chung quy đó là các sản vật: Vùng biển ở ng-ời Việt là cá (Trần Quốc V-ợng, Nguyễn Thị Bảy, 1999), tôm, cua biển ... thuộc loại đặc sản; còn ở miền núi là các loại sản vật nh- thịt thú rừng, lâm thổ sản (hoa quả, măng, nấm, ong ...). Chia sản phẩm săn bắn (loại thú lớn nh- h-ou, nai, gấu, hổ, lợn rừng...) là một điển hình về cách phân phối của ng-ời Tày (Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993). Khi đi săn tập thể hay săn một mình đ-ợc thú lớn, ng-ời ta gỡ mỡ huy động thanh niên trong bản đi khiêng về giữa bản để xả thịt chia nhau. Nguyên tắc chia nh- sau: ng-ời nào trực tiếp săn bắn trúng hoặc bẫy đ-ợc con thú đó thì đ-ợc đầu và 4 đùi; nếu nhiều ng-ời cùng bắn trúng thì chia lại đầu và 4 đùi. Số thịt còn lại chia cho các thành viên cùng tham gia đi săn hoặc đi khiêng. Bộ lòng và một số thịt sẽ khao bản một bữa trong đêm đi săn về. Nếu là thú quý, bộ x-ong và da đ-ợc dành cho những ng-ời trực tiếp săn trúng và những ng-ời đứng ra tổ chức đi săn. Riêng những ng-ời cao tuổi trong bản đều đ-ợc chia phần thịt ngon mặc dù gia đình có tham gia đi săn hay không. Còn đối với các sản vật khác nh- tổ ong, hoa quả rừng, măng nấm..., khi một gia đình nào đó phát hiện nhiều tổ ong lớn ... thì ng-ời ta cùng tổ chức vài ng-ời trong bản cùng đi khai thác. Sản phẩm đem về chia cho mỗi nhà một ít hoặc chế biến cùng ăn khao bản một bữa. Một hình thức phân chia khác là một gia đình nào đó tổ chức làm bánh trái, cơm lam, thu hoạch hoa quả ... nằm ngoài kế hoạch, phong tục tập quán chung của bản thì sau khi chế biến xong, gia đình cũng đem một ít sản phẩm sang nhà hàng xóm để biếu, nhất là biếu nhà tr-ởng tộc, tr-ởng bản và những ng-ời cao tuổi.

□ Uống tập thể là một hình thức ăn *cộng cảm* rất phổ biến của đồng bào Tày ở mọi nơi. Đặc điểm của ng-ời đàn ông Tày là không hay ngồi uống r-ọu nhâm nhi một mình mà chỉ uống khi có bạn bè, hàng xóm nên tiệc r-ọu của họ nh- buổi sinh hoạt văn hoá. Để có những bữa ăn cộng cảm, th-ờng ng-ời ta tự đến giúp nhau trong dịp tết, lễ, đình đám, c-ới xin, giỗ chạp; sau cuộc săn bắn, thu hoạch mùa màng, thu hoạch đặc sản và hỗ trợ, giúp đỡ, đỏi công khi một gia đình có việc lớn nh- làm nhà, dẫn cột, phát n-ong... Những bữa ăn cộng cảm của ng-ời Tày cũng có nhiều hình thức khác nhau, nhiều cách ứng xử khác nhau. Nếu là ăn cộng cảm trong dịp họp mặt gia đình mang tính huyết thống thì ứng xử theo lối có tôn ti trật tự, có trên có d-ới: mâm dành cho gốc họ, tr-ởng họ, ngành trên (không phân biệt theo lứa tuổi); mâm phụ nữ, con trẻ riêng. Nếu là ăn trong dịp khách hàng xóm, bạn bè đến thăm thì mâm cỗ đ-ợc xếp theo lứa tuổi. Nếu là ngày lễ, ngày hiếu, hỷ thì phân biệt từng đối t-ợng t-ong ứng mà xử sự khác nhau. R-ọu là một chất xúc tác chính cho mọi cuộc gặp mặt ăn uống, là thức uống cơ bản trong bữa ăn cộng cảm, kể cả cho phụ nữ, thanh - thiếu niên. Tuy nhiên qua mỗi đối t-ợng, dựa vào mỗi tính chất của bữa tiệc mà ng-ời ta có thể thể hiện khác nhau. Nếu là đám c-ới thì tình cảm của hết thảy mọi ng-ời h-ớng về dâu - rể và bố mẹ dâu - rể; nếu là về nhà mới thì chúc mừng cho chủ nhà; nếu là lễ th-ợng thọ thì h-ớng về ng-ời đ-ợc chúc; nếu là ngày tết thì chúc nhau những gì tốt đẹp trong t-ong lai ... Riêng đối với thanh niên và lớp trung niên ng-ời Tày, hình thức uống r-ọu rất đa dạng. Ngoài việc chúc tụng nhau, ng-ời ta còn biến nó thành buổi sinh hoạt văn hóa và có thể kéo dài hàng đêm, thậm chí 2,3 ngày khi rỗi rãi. Tuy nội dung cơ bản trong các bữa ăn cộng cảm của tất cả các nhóm địa ph-ợng đều mang ý nghĩa nh- nhau song cách uống r-ọu và cách ăn cũng có nét khác nhau. Ng-ời Tày ở Bắc Kạn, Thái

Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang thì uống r-ọu bằng chén, mời nhau hoặc ép nhau thông qua lời nói, lời khích lệ, ít ồn ào. □ Lạng Sơn thì uống bằng bát, bằng ống tre, trao truyền tay nhau. Còn ở Cao Bằng thì hình thức uống r-ọu thật đa dạng: Có khi uống bằng chén, có khi uống bằng bát, có khi lại uống bằng thìa canh... Họ đ-a tay sang nhau, uống tráo chén để thể hiện sự mặn nồng, chân thật trong chén r-ọu. Sở dĩ có tục uống tráo chén vì theo truyền khẩu kể rằng, ở Cao Bằng tr-ớc đây có một số ng-ời làm nghề thuốc gia truyền. Theo hủ tục, cứ mỗi năm phải bỏ thuốc độc giết một mạng ng-ời thì thuốc gia truyền mới hiệu nghiệm và không phản lại chủ. Vì thế những ng-ời này hay lợi dụng các bữa r-ọu để bỏ thuốc độc. Ngày nay, tục lệ lạc hậu đó vẫn có d-âm xấu, nên khi uống r-ọu, để bỏ mặc cảm này, chủ nhà th-ờng tráo chén với khách để thể hiện rằng chén r-ọu không có thuốc độc. Họ lồng ghép việc uống r-ọu với các hoạt động khác nh- chơi *lấy cở*, một hình thức giống nh- trò chơi “oản tù tì” của ng-ời Việt để phân thắng bại, quy định mức độ uống r-ọu. Có khi họ uống r-ọu kết hợp với hát l-ợn, đọc thơ tình *phong si* □ đối đáp nam nữ để phân thắng bại mà th-ờng phạt. Thông qua bữa ăn cộng cảm, qua chén r-ọu, tình cảm giữa con ng-ời với con ng-ời ngày càng thêm gắn bó, hiểu biết nhau. Có khi qua chén r-ọu ngày hội xuân, nhiều cặp trai gái thành đôi thành lứa...

Đối với bạn bè, ng-ời Tày luôn có thái độ hiếu khách, mặc dù bữa ăn có thể rất đạm bạc. Chủ nhà bao giờ cũng là ng-ời vốn vãi, mời mọc, ng-ời vợ phải là ng-ời đảm đang để làm cơm cho chồng tiếp khách, dù khách của chồng hay của mình. Nếu khách từ chối không ăn cơm thì gia đình sẽ cảm thấy không bình th-ờng, ng-ời khách nào vui vẻ nhận lời thì đó là điều may mắn, gặp khách quen xởi lời là có phúc. Vì vậy trong bữa ăn tiếp khách đột xuất, mặc dù nghèo không có thịt, cá

nh-ng gia đình vẫn có r-ợu để uống. Trong những bữa r-ợu tiếp khách nh- thế, chủ nhà th-ờng khiêm tốn nói: *Ám khéc, pét ám chúa r-ờn* (Một miếng khách thì tám miếng chủ nhà) để nói rằng khách ăn không đáng là bao, chỉ có gia đình là chính. Khác với cách tiếp khách của ng-ời Việt, ng-ời Tày luôn nh-ờng khách ăn tr-ớc: *Khéc cón, chúa lǎng* (Tiên khách hậu chủ). Trong cách ứng xử với xã hội về 2 ph-ong diện ăn và ở thì ng-ời Tày sẵn lòng rộng l-ợng đối với cái ăn cho ng-ời khác hơn là cho ở (*Xo kin mốc quǎng, xo dú khoảng r-ờn* (Xin ăn thì sẵn lòng, xin ở thì v-ớng nhà)).

Ng-ời Tày từ x-a vốn có tục kết nghĩa anh em hoặc kết nghĩa đồng niên (*lao tông*), trên cơ sở xuất phát từ tình bạn, nhất là ở nam giới. Khi b-ớc vào tuổi tr-ởng thành, mỗi ng-ời nam giới đều tìm đ-ợc cho mình một ng-ời bạn cùng tuổi, tri kỷ, hợp nhau về mọi ph-ong diện. Việc kết nghĩa *lao tông* xuất phát từ ý thức cộng đồng của mỗi ng-ời. Họ dựa vào nhau để cùng làm ăn, cùng xây dựng, cùng no cùng đói. Nếu ng-ời nào không có bạn *lao tông* là điều rất xấu hổ, là “trái tính trái nết” không ai -a. Vậy, kết nghĩa *lao tông* là nhu cầu của mỗi ng-ời (nam giới) trong xã hội Tày. Để đánh dấu sự kiện trọng đại này, họ phải tổ chức một bữa ăn đơn giản nh-ng hết sức ý nghĩa trong 2 gia đình và cả dòng tộc 3 đời. Mỗi địa ph-ong, mỗi gia đình và mỗi con ng-ời có cách tổ chức khác nhau, nh- tổ chức linh đình mời họ hàng, hàng xóm đến chứng kiến; mời ông bà, bố mẹ đến nhận làm con đồng niên (*lục tông*); có ng-ời chỉ tổ chức trong nhà riêng; có ng-ời chỉ sắp mâm cỗ ăn uống; có ng-ời sắp mâm cúng trình tổ tiên; có ng-ời cất tiết gà uống máu ăn thề... Song tất cả đều mang ý nghĩa là trình báo, thề thốt. Ngoại trừ bữa phúng trong đám ma và bữa trình họ trong đám c-ới, cách ăn uống đó là

biểu hiện của bữa ăn cộng cảm cao nhất, thiêng liêng nhất.

### 3. Ứng xử ăn uống trong đời sống tâm linh

Ng-ời Tày có quan niệm vạn vật hữu linh (Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn, 2002), quan niệm về thần thánh, ma quỷ. Thế giới thần linh là ảo ảnh của thế giới trần gian (tức là cõi âm, trái với cõi d-ương của ng-ời trần). Theo họ, giữa ng-ời sống với các thần linh cũng có những mối quan hệ nhất định. Mối quan hệ đó đ-ợc thể hiện thông qua những nghi lễ thờ cúng, trong đó, lễ vật dâng cúng là phần quan trọng nhất. Đồng bào quan niệm rằng, các loại thần thánh, ma quỷ cũng có nhu cầu ăn, mặc, ở... và cũng có tình cảm, có oán giận... Ma quỷ có thể trả thù, gây hại nếu ai đó xử sự không công bằng với chúng. Vì vậy con ng-ời có nghĩa vụ chia sẻ vật chất, thể hiện sự quan tâm, tình cảm đối với ng-ời đã chết hoặc cống nạp để cầu may, cầu phúc, cầu mùa... Những lễ nghi này mang tính chất tín ng-ỡng dân gian. Trong hệ thống thần linh, ma quỷ đ-ợc chia ra làm nhiều loại: Thiên thần (Ngọc Hoàng, Phật, các loại thần nông, thần sông, thần rừng...); nhân thần (ma tổ tiên, thành hoàng) và tà thần (các loại hồn ma lang thang gây hại). Mỗi loại thần linh, ma quỷ có nhu cầu vật chất riêng, do đó, con ng-ời cũng phải theo đó mà cúng. Các mâm cúng, cả về vật cúng và cách thức cúng cũng khác nhau. Ví dụ: Trong lễ hội lồng tồng, ng-ời ta làm các mâm cỗ lớn gồm các loại sản vật ngon của ngày tết nh- bánh trái, thịt lợn, thịt gà... cúng thần nông, thần sông, trời đất để cầu mùa màng, m- a thuận, gió hoà, cầu phúc và sức khoẻ cho mọi ng-ời trong làng bản của mình. Trong các ngày thực hiện lễ thức nông nghiệp nh- cấy lúa, làm cỏ, thu hoạch ... ng-ời ta cúng Thần Nông, cúng trời đất để cầu mùa và tạ ơn bằng một mâm cơm với các sản vật từ nông nghiệp, thể hiện thành quả lao

động và tạ ơn các vị thần. Các ngày tết, ng-ời ta cúng tổ tiên, cúng thần thánh và cúng các loại ma lang thang để cầu yên, cầu phúc, cầu may với lễ vật đơn giản hơn nh- cơm, thịt, r-ọu và một số sản vật. Các ngày lễ làm nhà, vào nhà mới hay c-ới xin, kết bạn, ng-ời ta cũng đều có mâm cúng thần thổ địa, cúng tổ tiên ... để đ-ọc phù hộ. Còn trong tang ma, giỗ chạp, ngoài việc cúng tế bằng sản vật theo quy định nh- r-ọu, thịt, rau rừng...thì tùy thuộc sở thích của ng-ời chết mà cúng tế: Khi còn sống, ng-ời ta thích món gì, kiêng món gì thì khi chết cũng l-u ý những đặc điểm đó để cúng v.v...

Nhìn chung những biểu hiện về tín ng-ỡng trong ăn uống của ng-ời Tày cho thấy sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của tam giáo (Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo) nh-ng nhạt hơn rất nhiều so với các c- dân có tôn giáo chính thống, đặc biệt là Phật giáo.

Tóm lại, ứng xử xã hội trong tập quán ăn uống của ng-ời Tày đ-ọc thể hiện trong các bữa ăn th-ờng ngày, tết lễ, hội hè, đình đám và trong lễ thức tín ng-ỡng.. Mỗi dạng ăn uống có đặc điểm khác nhau, nghi thức tiến hành khác nhau. Qua ứng xử xã hội trong ăn uống, thể hiện tác phong, đạo đức, cá tính và vị thế của mỗi con ng-ời...

Ứng xử xã hội trong tập quán ăn uống của ng-ời Tày có ý nghĩa nhân văn sâu sắc bởi trong đó mang nặng tính cộng đồng, cộng cảm. Tính cộng đồng, cộng cảm đ-ọc thể hiện qua các hình thức làm chung, góp chung và ăn chung. Thông qua những điều chung đó, ng-ời ta dễ dàng hiểu nhau hơn, thông cảm cho nhau và đùm bọc nhau. Đạo đức trong ăn uống của ng-ời Tày là đạo đức của c- dân nông nghiệp. Đó là tính cộng đồng làng xóm, họ hàng và bạn bè; là mối quan hệ “tối lửa tắt đèn có nhau”. Ứng xử xã hội trong ăn uống của ng-ời Tày còn phản ánh một phân đời sống

tâm linh, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan và những quan niệm về thế giới “bên kia” của tổ tiên, thế giới hồn ma, thần thánh..Nh- vậy, ở mức độ rộng hơn, ứng xử xã hội trong ăn uống của họ đã thể hiện văn hoá tộc ng-ời một cách sâu sắc.

### Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân, Hoàng Quyết, 1995. *Tục c-ới xin ng-ời Tày*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
2. Toan nh, 1998. *Phong tục Việt Nam*. Nxb Đồng Tháp,
3. Nguyễn Thị Bảy, 2004. *Văn hoá ẩm thực vùng núi cao phía Bắc*. Tc DTH số 1 (127). Tr. 22
4. Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn, 2002. *Văn hoá dân gian Tày*. Sở văn hoá thông tin Thái Nguyên.
5. Đoàn L-, 1997. *Lạ mà quen*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
6. Lục Văn Pảo, 1991. *Thành ngữ Tày, Nùng*. Nxb Khoa học xã hội, H.
7. Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993. *Văn hoá truyền thống Tày Nùng*. Nxb Văn hoá dân tộc, H.
8. V-ơng Xuân Tình, 2004. *Tập quán ăn uống của ng-ời Việt vùng Kinh Bắc*. Nxb KHXH, H.
9. Viện nghiên cứu Hán Nôm, Sở Văn hoá Lạng Sơn, 1998. *Tục lệ Lạng Sơn*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
10. Trần Quốc V-ơng, Nguyễn Thị Bảy, 1999. *Về văn hoá ẩm thực Việt Nam*. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 7.